TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 1713 /LĐLĐ
Về việc báo cáo thống kê công tác tổ chức cán bộ công đoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:
- Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố;
- Công đoàn ngành và tương đương;
- Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

Thực hiện Công văn số 4743/TLĐ ngày 10/8/2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc báo cáo thống kê công tác tổ chức cán bộ công đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các cấp công đoàn thực hiện một số nội dung sau:

1. Báo cáo thống kê số lượng CĐCS theo quy mô đoàn viên công đoàn (theo Phụ lục 1 đính kèm).

2. Báo cáo số lượng cán bộ công đoàn các cấp (theo Phụ lục 3 đính kèm).

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các cấp công đoàn khẩn trương rà soát, thống kê và báo cáo gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Tổ chức – Kiểm tra) và qua địa chỉ email: btochuckiemtra@gmail.com trước **ngày 17/8/2022** để tổng hợp báo cáo Tổng Liên đoàn kịp thời./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban Tổ chức-KT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Thị Việt Hiển

Phụ lục 1

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN/CÔNG ĐOÀN/...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
thống kê số lượng CĐCS theo quy mô đoàn viên công đoàn

Tính chất \ Quy mô	Số lượng CĐCS								
	Dưới 50	**Từ 50 đến dưới 200**	**Từ 200 đến dưới 500**	**Từ 500 đến dưới 1.500**	**Từ 1.500 đến dưới 2.500**	**Từ 2.500 đến dưới 6.000**	**Từ 6.000 đến dưới 10.000**	**Từ 10.000 đến dưới 20.000**	**Trên 20.000**
1. Hành chính sự nghiệp nhà nước:									
2. Sản xuất, kinh doanh khu vực nhà nước									
3. Ngoài khu vực nhà nước									

Phụ lục 3

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN/CÔNG ĐOÀN/...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
số lượng cán bộ công đoàn các cấp

I. Công đoàn cấp cơ sở

Số CĐCS thành viên trực thuộc (nếu có)	Số CĐ bộ phận trực thuộc (nếu có)	Số tổ CĐ trực thuộc (gồm cả tổ CĐ thuộc CĐCS thành viên CĐ bộ phận (nếu có)	Số UV BCH		Số UV UBKT (không là UV BCH)	Số thành viên Ban Nữ Công quần chúng (nếu có)
			Tổng số	Là CT, PCT CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, Tổ trưởng CĐ		

II. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Số CĐCS trực thuộc	Số ủy viên BCH		Số UV UBKT (không là UV BCH cùng cấp)	Số thành viên Ban Nữ Công quần chúng (không là UV BCH CĐ cùng cấp)
	Tổng số	Là CT, PCT công đoàn cấp dưới		

III. Liên đoàn lao động cấp tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành TW và tương đương; Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

Số CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh, tp; CĐN trung ương và tương đương	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc	Số ủy viên BCH		Số UV UBKT (không là UV BCH cùng cấp)	
		Tổng số	Là CT, PCT công đoàn cấp dưới		